

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI
DẦU KHÍ CỬU LONG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2014)
Ông Trần Tuấn Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Bà Đỗ Thị Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Hồ Sỹ Thuận	Thành viên
Ông Trần Xuân Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Giám đốc
Ông Dương Vũ Phong	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2014)
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: 357 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 0764-2014-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 0395-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		231.710.652.010	261.921.763.577
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	47.925.713.749	135.502.893.101
1. Tiền	111		11.925.713.749	17.180.232.037
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.000.000.000	118.322.661.064
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	87.178.600.693	47.347.799.075
1. Đầu tư ngắn hạn	121		90.642.457.373	51.257.084.355
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.463.856.680)	(3.909.285.280)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.326.814.517	68.174.712.251
1. Phải thu khách hàng	131		55.880.920.442	67.617.780.609
2. Trả trước cho người bán	132		13.888.848.934	14.237.804.591
3. Các khoản phải thu khác	135	7	7.910.093.752	7.572.986.276
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.353.048.611)	(21.253.859.225)
IV. Hàng tồn kho	140		4.830.865.302	8.154.928.598
1. Hàng tồn kho	141	8	4.830.865.302	8.154.928.598
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.448.657.749	2.741.430.552
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.135.910.509	572.845.837
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		399.601.931	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	33.913.145.309	2.168.584.715
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		142.854.384.334	136.343.193.286
I. Tài sản cố định	220		128.439.725.447	123.605.061.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	128.120.116.861	123.442.063.855
- Nguyên giá	222		273.917.115.924	261.997.893.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.796.999.063)	(138.555.829.608)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	45.116.086	113.505.262
- Nguyên giá	228		443.967.020	443.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(398.850.934)	(330.461.758)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		274.492.500	49.492.500
II. Bất động sản đầu tư	240	12	8.511.460.000	8.511.460.000
- Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.903.198.887	4.226.671.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.687.840.629	1.032.239.769
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.245.520.258	1.969.493.900
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.969.838.000	1.224.938.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		374.565.036.344	398.264.956.863

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		108.604.942.450	150.347.733.481
I. Nợ ngắn hạn	310		89.731.091.376	133.828.562.831
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	10.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		45.459.475.507	96.553.389.646
3. Người mua trả tiền trước	313		275.946.271	1.386.858.746
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.239.365.284	5.192.995.933
5. Phải trả người lao động	315		13.814.758.632	13.044.517.944
6. Chi phí phải trả	316	17	13.607.307.592	13.349.079.898
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.479.799.865	3.850.088.602
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		854.438.225	451.632.062
II. Nợ dài hạn	330		18.873.851.074	16.519.170.650
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	18.873.851.074	16.519.170.650
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		265.960.093.894	247.917.223.382
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	265.960.093.894	247.917.223.382
1. Vốn cố định	411		230.000.000.000	230.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		839.178.790	375.058.709
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		954.943.512	490.823.431
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.165.971.592	17.051.341.242
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		374.565.036.344	398.264.956.863



Nguyễn Thị Thu Sương
 Người lập biểu



Phan Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.077.011.996.794	945.033.634.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	20.600.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	1.077.011.996.794	945.013.034.218
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	1.048.898.962.236	928.525.991.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.113.034.558	16.487.042.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.452.862.566	10.415.671.837
7. Chi phí tài chính	22		6.583.333	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.583.333	-
8. Chi phí bán hàng	24		559.130.291	991.934.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.304.634.927	17.026.471.138
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(24+25))	30		18.695.548.573	8.884.308.760
11. Thu nhập khác	31		15.884.710.087	11.914.404.506
12. Chi phí khác	32		9.688.146.208	6.721.273.778
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	6.196.563.879	5.193.130.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.892.112.452	14.077.439.488
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	5.897.028.135	6.461.375.655
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(276.026.358)	(1.666.337.795)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.271.110.675	9.282.401.628
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	838	404



Nguyễn Thị Thu Sương
Người lập biểu



Phan Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.892.112.452	14.077.439.488
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	35.920.511.073	37.024.033.774
Các khoản dự phòng	03	(346.239.214)	(89.251.943)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.777.269.065)	(13.476.354.766)
Chi phí lãi vay	06	6.583.333	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.695.698.579	37.535.866.553
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.994.516.486	10.659.268.529
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.324.063.296	(4.224.481.521)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(50.225.983.814)	44.785.364.683
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.218.665.532)	(39.506.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.823.224.848)	(4.112.492.123)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.462.568.000)	(819.327.585)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.716.163.833)	83.784.691.757
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(49.473.227.949)	(18.020.525.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	15.487.888.145	9.508.322.361
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(69.385.373.018)	(44.033.374.275)
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.509.697.303	7.105.276.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(91.861.015.519)	(45.440.301.462)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	10.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(87.577.179.352)	38.344.390.295
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	135.502.893.101	97.158.502.806
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	47.925.713.749	135.502.893.101

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền 1.824.029.764 đồng (năm 2013: 3.326.293.101 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


 Nguyễn Thị Thu Sương
 Người lập biểu


 Phan Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Duyên Hiếu
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 ngày 04 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 12 tháng 9 năm 2011 với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 712 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 862 người).

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định và cung cấp các dịch vụ khác.

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Côn Sơn: Số 85 Đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đại Hùng: Số 85 Đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm đầu tư và phát triển nhiên liệu khí Việt Autogas: Tầng 3 - tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Vũng Tàu: Số 654 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Tài sản khác	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng của phần mềm máy tính là 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ gắn trên xe taxi, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	90.227.378	7.290.513
Tiền gửi ngân hàng	11.835.486.371	17.172.941.524
Các khoản tương đương tiền	36.000.000.000	118.322.661.064
	<u>47.925.713.749</u>	<u>135.502.893.101</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 5% đến 5,7% (31 tháng 12 năm 2013: 6,5% đến 7%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	84.238.747.293	44.853.374.275
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.403.710.080	6.403.710.080
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.463.856.680)	(3.909.285.280)
	<u>87.178.600.693</u>	<u>47.347.799.075</u>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến một năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 6% đến 7,5% (31 tháng 12 năm 2013: 6,7% đến 10,5%).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các đơn vị ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.254.899.198	2.248.314.749
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.824.029.764	3.326.293.101
Tài xế lái xe taxi	1.777.637.406	1.390.398.613
Các đơn vị khác trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.747.923.923	258.761.636
Cán bộ, nhân viên Công ty	305.603.461	349.218.177
	<u>7.910.093.752</u>	<u>7.572.986.276</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	4.807.603.010	4.712.276.790
Công cụ, dụng cụ	-	30.531.267
Hàng gửi bán	23.262.292	3.412.120.541
	<u>4.830.865.302</u>	<u>8.154.928.598</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	1.814.798.309	1.962.471.715
Cầm cố, ký quỹ, ký cược (i)	32.098.347.000	206.113.000
	<u>33.913.145.309</u>	<u>2.168.584.715</u>

(i) Cầm cố, ký quỹ, ký cược bao gồm số tiền 30 tỷ đồng là khoản tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 15.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	2.632.354.164	258.914.125.996	405.413.303	46.000.000	261.997.893.463
Tăng trong năm		49.211.137.040	37.090.909		49.248.227.949
Thanh lý, nhượng bán		(37.329.005.488)			(37.329.005.488)
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.632.354.164</u>	<u>270.796.257.548</u>	<u>442.504.212</u>	<u>46.000.000</u>	<u>273.917.115.924</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	1.290.786.655	136.923.639.021	322.237.265	19.166.667	138.555.829.608
Khấu hao trong năm	343.399.878	35.451.817.209	49.238.142	7.666.668	35.852.121.897
Thanh lý, nhượng bán		(28.610.952.442)			(28.610.952.442)
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.634.186.533</u>	<u>143.764.503.788</u>	<u>371.475.407</u>	<u>26.833.335</u>	<u>145.796.999.063</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>998.167.631</u>	<u>127.031.753.760</u>	<u>71.028.805</u>	<u>19.166.665</u>	<u>128.120.116.861</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.341.567.509</u>	<u>121.990.486.975</u>	<u>83.176.038</u>	<u>26.833.333</u>	<u>123.442.063.855</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.447.602.286 đồng và 373.430.440 đồng đang được giữ bởi Công ty TNHH MTV Cửu Nguyễn ("Cửu Nguyễn"), liên quan đến vụ tranh chấp giữa Công ty và Cửu Nguyễn từ tháng 11 năm 2013. Ngày 26 tháng 02 năm 2014, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi ba chiếc xe này.

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.729.463.211 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 5.601.565.506 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	443.967.020
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	330.461.758
Khấu hao trong năm	68.389.176
Tại ngày 31/12/2014	398.850.934
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	45.116.086
Tại ngày 31/12/2013	113.505.262

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm phần mềm máy tính BES đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 33.000.000 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 33.000.000 đồng).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý, Công ty cần phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.274.732.980	234.049.090
Chi phí trang bị cho kinh doanh xe taxi	286.584.505	487.477.273
Công cụ, dụng cụ	126.523.144	310.713.406
	1.687.840.629	1.032.239.769

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND
Tại ngày 01/01/2013	303.156.105
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.666.337.795
Tại ngày 31/12/2013	1.969.493.900
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	276.026.358
Tại ngày 31/12/2014	2.245.520.258

15. VAY NGẮN HẠN

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Maritime Bank) với số tiền là 10.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu mức lãi suất 7,9 % hàng năm cho mục đích thanh toán tiền công nợ khách hàng. Khoản vay này có thời hạn 30 ngày từ ngày 29 tháng 12 năm 2014 đến ngày 28 tháng 01 năm 2015 và đã được tất toán cả gốc lẫn lãi vào ngày 20 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được bảo đảm bởi hợp đồng tiền gửi số 010/2014/MSB-DKCL ngày 08 tháng 10 năm 2014 trị giá 30.000.000.000 đồng như trình bày tại Thuyết minh số 9.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.790.025.256
Thuế thu nhập cá nhân	38.315.642	275.724.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.201.049.642	3.127.246.355
	1.239.365.284	5.192.995.933

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	31/12/2013 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2014 VND
Thuế				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.790.025.256	11.754.462.160	13.544.487.416	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.127.246.355	5.897.028.135	7.823.224.848	1.201.049.642
Thuế thu nhập cá nhân	275.724.322	1.418.959.176	1.656.367.856	38.315.642
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
	5.192.995.933	19.079.449.471	23.033.080.120	1.239.365.284
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu	-			-
Thuế và các khoản phải nộp	5.192.995.933			1.239.365.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGTầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	8.412.681.042	8.952.245.000
Chi phí sửa chữa xe taxi	377.340.030	-
Chi phí nhiên liệu	862.735.850	758.412.168
Chi phí thuê xe	1.673.639.423	537.472.728
Chi phí khác	2.280.911.247	3.100.950.002
	<u>13.607.307.592</u>	<u>13.349.079.898</u>

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác bao gồm các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi, tài xế lái xe theo hợp đồng và các khách hàng thuê xe dài hạn của Công ty. Khoản ký quỹ từ tài xế được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng lao động với tài xế xe taxi. Khoản ký quỹ từ khách hàng thuê xe được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng thuê.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần đã phát hành**

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	23.000.000	230.000.000.000	23.000.000	230.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	23.000.000	230.000.000.000	23.000.000	230.000.000.000

	31/12/2014	31/12/2013
<u>Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng</u>	<u>23.000.000</u>	<u>23.000.000</u>
+ Cổ phần phổ thông	23.000.000	23.000.000
<u>Số lượng cổ phần đang lưu hành</u>	<u>23.000.000</u>	<u>23.000.000</u>
+ Cổ phần phổ thông	23.000.000	23.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ đông VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	230.000.000.000	-	115.764.722	9.469.174.450	239.584.939.172
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.282.401.628	9.282.401.628
Trích lập các quỹ	-	375.058.709	375.058.709	(750.117.418)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(750.117.418)	(750.117.418)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	230.000.000.000	375.058.709	490.823.431	17.051.341.242	247.917.223.382
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.271.110.675	19.271.110.675
Trích lập các quỹ (i)	-	464.120.081	464.120.081	(928.240.162)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(928.240.163)	(928.240.163)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (i)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	230.000.000.000	839.178.790	954.943.512	34.165.971.592	265.960.093.894

(i) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ), quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 464.120.081 đồng, 464.120.081 đồng, 928.240.163 đồng và 300.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCĐ-PCT ngày 25 tháng 4 năm 2014.

Chi tiết các cổ đông sở hữu cổ phần ở Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	22,63	52.037.720.000	22,63
Tổng Công ty Khí Việt Nam	45.000.000.000	19,57	45.000.000.000	19,57
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	0,00	30.000.000.000	13,04
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	14.410.000.000	6,27	15.000.000.000	6,52
Công ty CP thương mại Vận tải Sông Đà	1.032.200.000	0,45	1.032.200.000	0,45
Các cổ đông khác	117.520.080.000	51,10	86.930.080.000	37,80
	230.000.000.000	100	230.000.000.000	100

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán các mặt hàng LPG và xăng dầu.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng xe taxi, cho thuê xe.

Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh bảo dưỡng, sửa chữa cho các phương tiện vận tải và các hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

31/12/2014	Thương mại VND	Dịch vụ vận tải VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	30.977.995.002	163.322.806.879	278.065.565	194.578.867.446
Tài sản không phân bổ				179.986.168.898
Tổng tài sản				374.565.036.344
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	36.557.092.036	49.098.809.550	101.000.000	85.756.901.586
Nợ phải trả không phân bổ				22.848.040.864
Tổng nợ phải trả				108.604.942.450

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2014	Thương mại VND	Dịch vụ vận tải VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	840.177.352.825	216.655.152.101	20.179.491.868	1.077.011.996.794
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	840.177.352.825	216.655.152.101	20.179.491.868	1.077.011.996.794
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.124.989.796	23.822.072.898	3.165.971.864	28.113.034.558
Chi phí không phân bổ				(19.863.765.218)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.249.269.340
Doanh thu hoạt động tài chính				10.452.862.566
Lợi nhuận khác				6.196.563.879
Chi phí tài chính				(6.583.333)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				24.892.112.452
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(5.897.028.135)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				276.026.358
Lợi nhuận trong năm				19.271.110.675
Thông tin khác				
Khấu hao				35.920.511.073

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TÀI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Bảng cân đối kế toán**

31/12/2013	Thương mại VND	Dịch vụ vận tải VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	47.082.067.158	152.836.184.794	2.420.881.228	202.339.133.180
Tài sản không phân bổ				195.925.823.683
Tổng tài sản				398.264.956.863
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	89.687.334.981	42.825.143.697	480.000.000	132.992.478.678
Nợ phải trả không phân bổ				17.355.254.803
Tổng nợ phải trả				150.347.733.481

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2013	Thương mại VND	Dịch vụ vận tải VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	699.138.120.384	203.876.636.627	41.998.277.207	945.013.034.218
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	699.138.120.384	203.876.636.627	41.998.277.207	945.013.034.218
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.678.617.952	12.297.187.518	2.511.237.103	16.487.042.573
Chi phí không phân bổ				(18.018.405.650)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh				(1.531.363.077)
Doanh thu hoạt động tài chính				10.415.671.837
Lợi nhuận khác				5.193.130.728
Chi phí tài chính				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế				14.077.439.488
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(6.461.375.655)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.666.337.795
Lợi nhuận trong năm				9.282.401.628
Thông tin khác				
Khấu hao				37.024.033.774

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu từ kinh doanh hàng hóa	840.177.352.825	699.138.120.384
Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải	216.655.152.101	203.876.636.627
Doanh thu từ hoạt động khác	20.179.491.868	41.998.277.207
	<u>1.077.011.996.794</u>	<u>945.013.034.218</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	839.052.363.029	697.459.502.432
Giá vốn dịch vụ vận tải đã cung cấp	192.833.079.203	191.579.449.109
Giá vốn hoạt động khác	17.013.520.004	39.487.040.104
	<u>1.048.898.962.236</u>	<u>928.525.991.645</u>

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.585.818.407	40.589.522.090
Chi phí nhân công	90.162.552.185	90.794.946.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.372.758.573	37.024.033.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.403.378.091	65.711.079.697
Chi phí khác	9.185.857.169	14.965.312.670
	<u>229.710.364.425</u>	<u>249.084.894.863</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	9.904.936.966	9.978.191.937
Cổ tức, lợi nhuận được chia	102.497.000	157.885.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	445.428.600	279.594.900
	<u>10.452.862.566</u>	<u>10.415.671.837</u>

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	15.487.888.145	9.508.322.361
Thu nhập khác	396.821.942	2.406.082.145
Thu nhập khác	<u>15.884.710.087</u>	<u>11.914.404.506</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	8.718.053.046	6.168.044.532
Chi phí khác	970.093.162	553.229.246
Chi phí khác	<u>9.688.146.208</u>	<u>6.721.273.778</u>
Lợi nhuận khác	<u>6.196.563.879</u>	<u>5.193.130.728</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	24.892.112.452	14.077.439.488
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(642.060.958)	(157.885.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	515.725.000	9.794.833.207
Thu nhập chịu thuế	24.765.776.494	23.714.387.695
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.448.470.829	5.928.596.924
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	448.557.306	532.778.731
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.897.028.135	6.461.375.655

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	19.271.110.675	9.282.401.628
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	19.271.110.675	9.282.401.628
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	838	404

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.848.756.253	1.427.484.545

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	2.212.081.719	1.106.451.814
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.638.816.769	1.796.749.991
	4.850.898.488	2.903.201.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuế văn phòng tại Tầng 3 - tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 85 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cho chi nhánh Côn Sơn và Đại Hùng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê đất tại huyện Tân Thành, Vũng Tàu. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2011.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết Minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.925.713.749	135.502.893.101
Đầu tư tài chính	87.178.600.693	47.347.799.075
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.261.881.540	67.360.193.660
Các khoản ký quỹ	34.068.185.000	1.431.051.000
Tổng cộng	225.434.380.982	251.641.936.836
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	10.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	49.939.275.372	100.403.478.248
Chi phí phải trả	13.607.307.592	13.349.079.898
Các khoản nhận ký quỹ	18.873.851.074	16.519.170.650
Tổng cộng	92.420.434.038	130.271.728.796

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGTầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro thị trường ở mức độ vừa phải.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2014</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.925.713.749	-	47.925.713.749
Đầu tư tài chính	87.178.600.693	-	87.178.600.693
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.261.881.540	-	56.261.881.540
Các khoản cầm cố, ký quỹ	32.098.347.000	1.969.838.000	34.068.185.000
Tổng cộng	223.464.542.982	1.969.838.000	225.434.380.982
Các khoản vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.939.275.372	-	49.939.275.372
Chi phí phải trả	13.607.307.592	-	13.607.307.592
Các khoản nhận ký quỹ	-	18.873.851.074	18.873.851.074
Tổng cộng	73.546.582.964	18.873.851.074	92.420.434.038
Chênh lệch thanh khoản thuần	149.917.960.018	(16.904.013.074)	133.013.946.944

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

<u>31/12/2013</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.502.893.101	-	135.502.893.101
Đầu tư tài chính	47.347.799.075	-	47.347.799.075
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.360.193.660	-	67.360.193.660
Các khoản cầm cố, ký quỹ	206.113.000	1.224.938.000	1.431.051.000
Tổng cộng	250.416.998.836	1.224.938.000	251.641.936.836
Phải trả người bán và phải trả khác	100.403.478.248	-	100.403.478.248
Chi phí phải trả	13.349.079.898	-	13.349.079.898
Các khoản nhận ký quỹ	-	16.519.170.650	16.519.170.650
Tổng cộng	113.752.558.146	16.519.170.650	130.271.728.796
Chênh lệch thanh khoản thuần	136.664.440.690	(15.294.232.650)	121.370.208.040

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
 Công ty Cổ phần Xăng dầu Phương Nam
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
 Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
 Công ty TNHH PVTrans Emas
 Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
 Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam
 Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành
 Dầu khí Biển Đông
 Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Tổng Công ty Thăm dò
 Khai thác Dầu Khí - Hà Nội
 Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
 Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ
 Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông
 Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
 Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu
 Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
 Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam
 Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu
 Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil
 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn
 Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển
 Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGTầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	7.533.863.226	8.041.184.726
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	608.097.463.753	363.450.856.629
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	169.446.165.832	274.642.185.088
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tại Nha Trang	32.388.063.881	53.791.184.932
Công ty TNHH Một thành viên khí hóa lỏng Việt Nam	21.277.013.018	-
Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	9.235.936.081	9.853.773.169
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	3.964.647.507	3.309.652.335
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	3.993.885.278	3.220.834.014

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.812.682.698	3.090.684.163
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	496.234.624.849	189.537.315.892
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.250.994.668	20.781.541.319
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	15.885.798.069	17.952.287.173
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	13.189.922.224	1.361.032.767
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	19.895.010.587	13.128.482.789
CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	10.490.291.880	10.064.174.917
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	9.626.443.873	8.757.912.999
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Khí Cà Mau	7.546.800.037	6.845.349.533
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	5.321.513.579	6.963.133.163
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	5.854.695.332	5.646.839.117
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Ban quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ	3.721.400.800	5.143.467.354
Xí Nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu	5.241.646.192	4.659.778.530
Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.685.656.581	2.870.441.732
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	1.994.575.187	2.749.004.319
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	2.214.664.432	2.426.079.566

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản khác	1.974.304.378	1.675.024.129

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	441.080.000	2.634.642.580
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	2.576.206.995	2.141.599.753
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	2.524.701.169	324.343.123
Tổng công ty khí Việt Nam- Công ty cổ phần	<u>2.733.477.777</u>	<u>69.982.999</u>
Các khoản phải thu khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	<u>626.524.486</u>	<u>2.635.046.165</u>
Các khoản phải trả người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sân phẩm khí	16.675.439.406	11.509.481.300
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	61.863.809.946
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tại Nha Trang	<u>4.885.085.772</u>	<u>14.348.648.536</u>



Nguyễn Thị Thu Sương
Người lập biểu



Phan Thị Diệu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015